TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 94/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2018
V/v: "Ly hôn giữa bà T và ông H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến.

2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: số 487/40/1A NT Tr, phường VL, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Tấn H, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: số 487/40/1A NT Tr, phường VL, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Võ Thị Thu T trình bày: Bà T và ông H được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND phường VL, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2007.

Lý do bà T yêu cầu xin ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày, do ông H sống không chung thủy, thiếu trách nhiệm,

thiếu quan tâm đến vợ con, mọi việc đều do bà T tự lo liệu, từ đó vợ chồng thường xảy ra cự cải, xúc phạm nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà T và ông H đã tự ly thân với nhau từ tháng 01/2015 cho đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng, ngủ riêng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Lương Hữu Ng, sinh ngày 13/6/1997 và Lương Vỹ K, sinh ngày 12/8/2000, các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có triệu tập ông H để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông H vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên toà hợp lệ, nhưng ông H cố tình lánh mặt không đến toà án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Lương Tấn H.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà T xác nhận, bà T, ông H được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND phường VL, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà T, ông H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên

không hòa hợp, bất đồng ý kiến, bất đồng quan điểm; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông H cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến, điều đó cho thấy ông H cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn tình cảm với bà T. Tại phiên tòa, bà T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ, bà T và ông H cũng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Lương Hữu Ng, sinh ngày 13/6/1997 và Lương Vỹ K, sinh ngày 12/8/2000, các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tòa án có triệu tập ông Lương Tấn H để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông H cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Trường hợp ông H cho rằng vợ chồng có tài sản chung, nợ chung và có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Thu T và ông Lương Tấn H.

2. Về con chung: Bà T xác nhận có 02 người con tên Lương Hữu Ng, sinh ngày 13/6/1997 và Lương Vỹ K, sinh ngày 12/8/2000, các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn**:** Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà T đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008447, ngày 12/7/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá, nên bà T được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- THA DS TP. Rạch Giá;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa